

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 65/2018/DS-ST

Ngày: 02-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng công trình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Hà Văn Châu.

2/. Bà Võ Ngọc Các.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/10/2018 và ngày 02/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2017/TLST-DS ngày 16/11/2017 về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2018/QĐXXST-DS ngày 27/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T, địa chỉ: 911/123 Quốc lộ 1, phường H, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T; Chỗ ở hiện nay: Số 297 THĐ, phường B, thành phố S, tỉnh S (theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2018 - có mặt).

- Bị đơn: Ban Quản lý dự án các công trình x tỉnh S (nay là Ban Quản lý D 1 tỉnh S), địa chỉ: 146 HBT, phường M, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Tấn L - Phó Giám đốc Ban Quản lý D 1 tỉnh S; địa chỉ: Số 146 HBT, phường M, thành phố S, tỉnh S (theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2017 – vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Sở G tỉnh S; địa chỉ: Số 48 LD, phường B, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc N, Chuyên viên Phòng K - T Sở G tỉnh S; địa chỉ: 48 LD, phường B, thành phố S, tỉnh S (theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2018 – vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (sau đây viết là Công ty T) và lời trình bày của ông Nguyễn Thanh T tại phiên toà thì:*

Theo Quyết định số 498/QĐXD-CTUBT ngày 31/10/2005 và Quyết định số 1407/QĐHC-CTUBND ngày 21/9/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và phê duyệt Kết quả đấu thầu xây lắp công trình Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (thuộc dự án phát triển giáo dục Trung học phổ thông giai đoạn 1, sử dụng vốn ADB) thì công trình này có tổng mức đầu tư là 4.483.976.052 đồng, trong đó chi phí xây lắp là 2.996.312.921 đồng; Chủ đầu tư là Sở G tỉnh S, nhà thầu xây lắp là Công ty T; giá trúng thầu là 2.837.006.187 đồng.

Ngày 21/9/2006, Công ty T và Ban Quản lý D tỉnh S (nay là Ban Quản lý D 1 tỉnh S - sau đây viết là Ban Quản lý D) được Sở G tỉnh S ủy quyền ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 119/HĐ-XD thỏa thuận chi phí xây dựng công trình Trường Trung học phổ thông (THPT) Nguyễn Khuyến là 2.837.006.187 đồng. Quá trình thi công, do phát sinh phần cọc, giá trị bù giá vật liệu xây dựng, chi phí nhân công vào năm 2008 – 2009 và các bên có tổ chức họp lập biên bản đề bàn bạc hướng giải quyết nên hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-XD ngày 26/02/2010 điều chỉnh thời gian thực hiện và giá trị hợp đồng mới là 4.358.466.651 đồng (trong đó phần giá trị điều chỉnh tăng thêm là 1.521.460.464 đồng).

Công ty T cho rằng công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ ngày 11/10/2010, nhưng Ban quản lý D chỉ thanh toán được số tiền 3.896.372.000 đồng, còn nợ số tiền 462.000.000 đồng nên yêu cầu Toà án buộc Ban Quản lý D thanh toán số tiền 462.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 1%/tháng từ ngày 11/10/2010 đến ngày 11/10/2018 là 443.520.000 đồng; tổng cộng số tiền là 905.520.000 đồng.

Công ty T đã giao nộp bản sao có chứng thực các tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng số 119/HĐ-XD ngày 21/9/2006; Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-XD ngày

26/02/2010; Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng ngày 11/10/2010; Biên bản về việc xác nhận giá trị chưa thanh toán công trình Trường THPT Nguyễn Khuyến - huyện Vĩnh Châu ngày 14/9/2010.

- Theo lời trình bày tại biên bản hòa giải ngày 16/01/2018, ngày 14/6/2018 đại diện theo ủy quyền của Ban Quản lý dự án các công trình x tỉnh S là ông Võ Tấn L thì:

Ban Quản lý D (được sự ủy quyền của Sở G tỉnh S) có ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 119/HĐ-XD ngày 21/9/2006 như phía Công ty T trình bày. Căn cứ ký Hợp đồng này là do Ban quản lý là đơn vị tư vấn quản lý dự án công trình Trường THPT Nguyễn Khuyến theo Hợp đồng kinh tế số 198/HĐKT-BQL ngày 23/9/2005 về việc tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và 02 Giấy ủy quyền ngày 17/10/2005, ngày 19/4/2006 đã ký với Sở G tỉnh S.

Quá trình thi công, do khó khăn về mặt bằng xây dựng, xử lý kỹ thuật và trượt giá nguyên vật liệu nên Ban Quản lý D và Công ty T ký Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-XD ngày 26/02/2010 thỏa thuận điều chỉnh chi phí xây dựng thành 4.358.466.651 đồng (trong đó phần phát sinh thêm là 1.521.460.464 đồng) sau khi được Sở G tỉnh S phê duyệt Dự toán chi phí xây dựng bổ sung theo Quyết định số 3124/QĐ-SGD-ĐT ngày 23/11/2009.

Ban Quản lý dự án thừa nhận còn nợ và đồng ý trả số tiền 462.000.000 đồng cho Công ty T sau khi Sở G tỉnh S trình và Ủy ban nhân dân tỉnh S chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư công trình và xác nhận giá trị thanh toán; Còn số tiền lãi mà Công ty T yêu cầu thì không đồng ý trả.

- Theo lời trình bày tại biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 đại diện theo ủy quyền của Sở G tỉnh S là ông Nguyễn Ngọc N thì:

Sở G tỉnh S là Chủ đầu tư công trình Trường THPT Nguyễn Khuyến theo Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật số 498/QĐXD-CTUBT ngày 31/10/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S.

Sở G tỉnh S thừa nhận ý kiến của Công ty T, Ban Quản lý D trình bày về nội dung Hợp đồng kinh tế số 198/HĐKT-BQL ngày 23/9/2005, các Giấy ủy quyền ngày 17/10/2005 và ngày 19/4/2006, Quyết định số 3124/QĐ-SGD-ĐT ngày 23/11/2009, Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 119/HĐ-XD ngày 21/9/2006, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-XD ngày 26/02/2010.

Sở G tỉnh S cũng đồng ý trả số tiền 462.000.000 đồng cho Công ty T, khi được Ủy ban nhân dân tỉnh S điều chỉnh tổng mức đầu tư và xác nhận giá trị thanh toán; riêng số tiền lãi mà Công ty T yêu cầu thì không đồng ý trả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự:

+ Ban Quản lý dự án thừa nhận còn nợ Công ty T số tiền 462.000.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 119/HĐ-XD ngày 21/9/2006, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-XD ngày 26/02/2010.

+ Công trình Trường THPT Nguyễn Khuyến đã được các bên nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 11/10/2010.

+ Việc Sở G tỉnh S phê duyệt Dự toán chi phí xây dựng bổ sung theo Quyết định số 3124/QĐ-SGD-ĐT ngày 23/11/2009; Ban Quản lý D và Công ty T ký Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-XD ngày 26/02/2010 điều chỉnh tăng thêm giá trị hợp đồng khi chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S cho phép.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Ban Quản lý D tỉnh S (nay là Ban Quản lý D 1 tỉnh S - sau đây viết là Ban Quản lý D) và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là Sở G tỉnh S được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng đại diện theo ủy quyền của Ban Quản lý D tỉnh S và đại diện theo ủy quyền của Sở G tỉnh S vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là Ban Quản lý D tỉnh S và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là Sở G tỉnh S.

Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ban Quản lý D thanh toán tiền phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 119/HĐ-XD ngày 21/9/2006, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-XD ngày 26/02/2010 và Ban Quản lý D có địa chỉ tại số 146 Hai Bà Trưng, phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[2.1] Công trình xây dựng Trường THPT Nguyễn Khuyến có tổng mức đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt là 4.483.976.052 đồng, trong đó chi phí xây lắp là 2.996.312.921 đồng, giá trúng thầu là 2.837.006.187 đồng và Sở G tỉnh S là chủ đầu tư, Ban quản lý D là đơn vị tư vấn, Công ty T là nhà thầu công trình. Sở G tỉnh S đã ký giấy ủy quyền vào ngày 17/10/2005 cho Ban quản lý D để ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số 119/HĐ-XD ngày 21/9/2006 với Công ty T; ký nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình; thay mặt Chủ đầu tư làm việc với ban điều hành dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông (Trung ương) và giấy ủy quyền ngày 19/4/2006 thực hiện thêm công việc là nhận vốn đầu tư xây dựng thuộc dự án phát triển Giáo dục Trung học phổ thông (gồm vốn trong nước, vốn ADB) do Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương cấp, Ban điều hành dự án phát triển Giáo dục Trung học phổ thông – Bộ Giáo dục và Đào tạo chuyển (đơn vị mở tài khoản: Ban quản lý dự án các công trình xây dựng tỉnh Sóc Trăng; thay mặt chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho các nhà thầu theo hợp đồng đã ký).

[2.2] Quá trình thi công, Ban Quản lý D và Công ty T ký Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-XD ngày 26/02/2010 thỏa thuận điều chỉnh tăng chi phí xây dựng công trình thành 4.358.466.651 đồng, trong đó giá trị hợp đồng đã ký là 2.837.006.187 đồng, phần phát sinh thêm là 1.521.460.464 đồng.

[2.3] Tại khoản 7.2 Điều 7 Hợp đồng kinh tế số 198/HĐKT-BQL ngày 23/9/2005 và các Giấy ủy quyền ngày 17/10/2005, 19/4/2006; *Khoản 7.2 Điều 7* Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 119/HĐ-XD ngày 21/9/2006, Điều 3 Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-XD ngày 26/02/2010 thì Ban Quản lý D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T giá trị công trình đã được nghiệm thu.

[2.4] Theo Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng lập ngày 11/10/2010 thì công trình Trường THPT Nguyễn Khuyến đã được các bên nghiệm thu và đưa vào sử dụng từ ngày 11/10/2010, nhưng đến nay Ban Quản lý D chỉ thanh toán cho Công ty T số tiền 3.896.372.000 đồng, còn nợ lại 462.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận nêu trên; đồng thời, Ban Quản lý D cũng thừa nhận còn nợ Công ty T số tiền này.

[2.5] Vì vậy, việc Công ty T yêu cầu Ban Quản lý D thanh toán số tiền 462.000.000 đồng còn nợ theo Hợp đồng số 119/HĐ-XD ngày 21/9/2006 và Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-XD ngày 26/02/2010 về việc thi công xây dựng công trình Trường THPT Nguyễn Khuyến, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu của Công ty T buộc Ban Quản lý dự án trả 443.520.000 đồng tiền lãi chậm trả. Tuy nhiên trong hợp đồng số 119/HĐ-XD ngày 21/9/2006 giữa Công ty T và Ban Quản lý D ký không thỏa thuận về phần lãi:

[3.1] Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

[3.2] Như đã nhận định tại mục [2.3] và [2.4], Ban Quản lý D có nghĩa vụ thanh toán giá trị công trình cho Công ty T từ thời điểm nghiệm thu là ngày 11/10/2010. Nhưng do đến nay Ban Quản lý D vẫn còn nợ Công ty T 462.000.000 đồng, Công ty T yêu cầu Ban quản lý D thanh toán số tiền còn nợ là 462.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 11/10/2010 đến ngày 11/10/2018 là có căn cứ và phù hợp với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của các Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trên địa bàn tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.3%/tháng nên có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Việc tính lãi cụ thể như sau: $462.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 96 \text{ tháng}$ (từ ngày 11/10/2010 đến ngày 11/10/2018) = 443.520.000 đồng.

[4] Từ những nhận định như trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Buộc Ban quản lý dự án thanh toán số nợ 462.000.000 đồng và lãi 443.520.000 đồng. Tổng cộng là 905.520.000 đồng cho Công ty T.

[5] Ban Quản lý D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án như sau: $36.000.000 \text{ đồng} + 3\% (905.520.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 39.165.600 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm c khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại; Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015;

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T:

Buộc Ban Quản lý dự án các công trình x tỉnh S (nay là Ban Quản lý D 1 tỉnh S) có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền còn nợ là 462.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 443.520.000 đồng, tổng cộng là 905.520.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng số 119/HĐ-XD ngày 21/9/2006 và Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-XD ngày 26/02/2010 về việc thi công xây dựng công trình Trường THPT Nguyễn Khuyến, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ban Quản lý dự án các công trình x tỉnh S (nay là Ban Quản lý D 1 tỉnh S) phải chịu số tiền 39.165.600 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T không phải chịu, trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.540.000 đồng theo biên lai số 0008537 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3/. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Bích Khiêm

